

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị quảng trường biển Sầm Sơn, thành phố Sầm Sơn tại phường Trung Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần Tập đoàn Mặt Trời.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2548/QĐ-UBND ngày 04/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 Khu đô thị sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí cao cấp và du lịch biển Sầm Sơn; Quyết định số 4905/QĐ-UBND ngày 20/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 Khu đô thị sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí cao cấp và du lịch biển Sầm Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án Quảng trường biển, trực cảnh quan lễ hội thành phố Sầm Sơn theo hình thức đối tác công tư (Hợp đồng BT);

Căn cứ Quyết định số 1320/QĐ-UBND ngày 16/4/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 14, Điều 1 Quyết định số 3922/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Quảng trường biển, trực cảnh quan lễ hội thành phố Sầm Sơn theo hình thức đối tác công tư.

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị quảng trường biển Sầm

Son, thành phố Sầm Sơn tại phường Trung Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tại Biên bản họp Hội đồng thẩm định ngày 24/08/2020; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 102/CV-MT ngày 03/9/2020 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt Trời;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 860/Tr-STNMT ngày 09/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị quảng trường biển Sầm Sơn, thành phố Sầm Sơn tại phường Trung Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt Trời (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Trung Sơn, thành phố Sầm Sơn với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thành phố Sầm Sơn, Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt Trời và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Quyền

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án: Đầu tư xây dựng Khu đô thị quảng trường biển Sầm Sơn, thành phố Sầm Sơn tại phường Trung Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa của Công ty CP Tập đoàn Mặt Trời.

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin chung dự án:

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng Khu đô thị quảng trường biển Sầm Sơn, thành phố Sầm Sơn tại phường Trung Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt Trời.

- Đại diện: Ông Đặng Minh Trường Chức vụ: Tổng giám đốc

- Địa chỉ: Tầng 11, toà nhà Đà Nẵng ACB Tower, số 218 Bạch Đằng, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam.

- Điện thoại: 0236.3819181

- Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

+ Vị trí thực hiện dự án là khu đất thuộc Khu I-1- Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 Khu đô thị sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí cao cấp và du lịch biển Sầm Sơn với tổng diện tích Quy hoạch là 69,9 ha trong đó: diện tích theo hình thức BT là 15,3 ha, diện tích được đối ứng là 39,4 ha, còn lại là công trình giao thông, khách sạn hiện trạng và tái định cư.

Diện tích khu đất được bàn giao thực hiện dự án Khu đô thị là khoảng 39,4ha. Trong đó, diện tích đất nhà liền kề là 104.832 m² (818 lô liền kề); diện tích đất tái định cư là 58.728 m² (710 lô đất tái định cư); diện tích đất khách sạn là 27.311 m²; diện tích đất công trình công cộng: 11.800m²; diện tích đất cây xanh đô thị, cây xanh cách ly, cây xanh cảnh quan: 13.005 m²; đất giao thông 178.324 m².

+ Các hạng mục xây dựng gồm:

San nền toàn bộ diện tích khu đất thực hiện dự án đến cao độ thiết kế; xây dựng hạ tầng kỹ thuật (hệ thống đường giao thông; cây xanh, khuôn viên thảm cỏ; cấp nước và phòng cháy chữa cháy; hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải và cấp điện, điện chiếu sáng) phục vụ dự án; xây thô hoàn thiện mặt ngoài 818 lô liền kề (từ 01-05 tầng), xây dựng hoàn chỉnh 10 block minihotel (từ 6-15 tầng), 02 căn khách sạn quy mô 15 tầng; dự kiến xây dựng 01 nhà hát quy mô 01 tầng.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Giai đoạn xây dựng:

2.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước mưa chảy tràn: lượng nước mưa chảy tràn lớn nhất trong khu vực dự án là: $Q = 3,5 \text{ m}^3/\text{s}$.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ công nhân khoảng 13,08m³/ngày (nước thải vệ sinh khoảng 6,54 m³/ngày; nước thải tắm rửa khoảng 6,54m³/ngày). Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải xây dựng phát sinh khoảng 4,5m³/ngày. Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Nước thải phát sinh từ khách sạn hiện hữu: Phát sinh từ hoạt động của các khách sạn hiện hữu khoảng 708,8 m³/ngày.đêm (trong đó, nước thải tắm, rửa tay chân: 290,84 m³/ngày.đêm; nước thải nhà ăn: 66,1m³/ngày.đêm, nước thải giặt đồ 47,8 m³/ngày.đêm, nước từ nhà vệ sinh 290,84 m³/ngày.đêm, nước thải gym, spa 13,2 m³/ngày.đêm). Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

2.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình san nền, đào đắp; phương tiện thi công, vận chuyển; rút đổ nguyên vật liệu; san gạt mặt bằng,.... Thành phần chủ yếu: bụi, SO₂, NO_x, CO,...

- Bụi, khí thải phát sinh từ khách sạn hiện trạng: Chủ yếu phát sinh từ các phương tiện ra vào khách sạn, từ hoạt động nấu nướng. Thành phần chủ yếu: bụi, SO₂, NO_x, CO,...

2.1.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động của công nhân thi công xây dựng khoảng 159,0 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: thức ăn thừa, túi nilon, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải xây dựng gồm: Phát sinh từ quá trình phát quang thảm thực vật (1.009.250 tấn); phá dỡ công trình hiện trạng (305.488,2 tấn); đất bóc phong hóa (52.664,2 tấn); đất, đá, cát rơi vãi trong quá trình thi công và vận chuyển tại dự án (2.891,5 tấn); mẩu sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại, bao bì xi măng,.... (12.819,45 tấn); đất dư thừa từ quá trình đào đắp hồ móng (92.973,3 tấn). Thành phần chủ yếu: cây cối, đất, cát, xi măng, sắt, gỗ,...

- Chất thải rắn của khách sạn hiện trạng: Phát sinh từ hoạt động của các khách sạn hiện trạng khoảng 7.932 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: thức ăn thừa, túi nilon, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

2.1.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng: bao gồm chất thải rắn nguy hại khoảng 98,8 kg/quá trình; chất thải lỏng nguy hại khoảng 267 lít/ quá trình. Thành phần chủ yếu: dầu máy, giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa,...

- Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động của khách sạn hiện trạng khoảng 80,0 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: pin, ắc quy, sơn, bóng đèn neon, dẻ lau dính dầu mỡ, hộp dầu mỡ,....

2.2. Giai đoạn vận hành:

2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án là 2.983,9 m³/ngày.đêm (nước thải nhà vệ sinh: 1.312,1 m³/ngày.đêm; nước thải tắm, rửa tay chân: 1.138,8 m³/ngày.đêm; nước thải nhà ăn: 395,8 m³/ngày.đêm; nước thải giặt là: 98,6 m³/ngày.đêm; nước thải từ hoạt động tập Gym, spa tại các khách sạn: 38,6 m³/ngày.đêm); chủ yếu chứa thành phần: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

2.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải, mùi phát sinh từ dự án chủ yếu là bụi, khí thải phát sinh do phương tiện ra vào dự án; hoạt động của máy phát điện dự phòng; hoạt động sinh hoạt của các hộ dân sống tại khu liên kề, khu tái định cư; hoạt động của khách sạn; hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung; mùi từ khu tập kết CTR, chủ yếu chứa thành phần: bụi, SO₂, NO_x, CO, NH₃; H₂S...

2.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- CTR sinh hoạt phát sinh từ dự án khoảng 39.316,5 kg/ngày. Lượng rác thải này chủ yếu là thức ăn thừa, túi nilon, giấy, bìa carton, nilon, vỏ chai nhựa, vỏ hộp,...

- Ngoài ra, còn có chất thải rắn xây dựng phát sinh từ quá trình xây dựng của các nhà đầu tư thành viên và chất rắn từ hoạt động vệ sinh môi trường (bùn cặn từ hệ thống thu gom và xử lý nước thải, rãnh thoát nước mưa, nước thải).

2.2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu gồm: pin, ắc quy, sơn, bóng đèn neon, dẻ lau dính dầu mỡ, hộp dầu mỡ,.... với khối lượng khoảng 988,9 kg/tháng.

2.5. Một số tác động khác như: tác động kinh tế xã hội, tác động do rủi ro, sự cố môi trường.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Giai đoạn xây dựng

3.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

** Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:*

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu (cát, đá,...) được che chắn bằng bạt; không để vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại gần mương thoát nước; hạn chế thấp nhất lượng nước mưa chảy qua khu vực thi công kéo theo bùn đất vào hệ thống thoát nước chung của khu vực; quản lý dầu mỡ và vật liệu độc hại do các phương tiện vận chuyển và thi công gây ra.

- Tạo các rãnh thoát nước tạm thời tại các vị trí trũng thấp để thoát nước, tránh tình trạng ngập úng; cuối rãnh thoát nước bố trí hố lắng để lắng và loại bỏ đất, cát, rác thải vương vãi...; thường xuyên khơi thông, nạo vét cống, rãnh, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước chung của khu vực.

- Thực hiện công tác vệ sinh công trường sau mỗi ngày làm việc nhằm hạn chế các chất ô nhiễm rơi vãi trên mặt bằng thi công.

** Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:*

- Đối với nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân có lưu lượng $6,54\text{m}^3/\text{ngày}$, được thu gom vào 02 hố thu gom của trạm rửa xe bố trí tại 2 khu vực lán trại (dung tích bể xây dựng $3,0\text{ m} \times 2\text{ m} \times 1,5\text{ m}$) để xử lý nước thải trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Đối với nước thải nhà vệ sinh có lưu lượng $6,54\text{m}^3/\text{ngày}$ được thu gom về 06 nhà vệ sinh di động 02 buồng, 03 ngăn (kích thước: rộng 0,8m, dài 1,2m, cao 2,1m), định kỳ 2 ngày/lần, thuê đơn vị chức năng đến hút đưa đi xử lý theo quy định.

- Nước thải sinh hoạt khu khách sạn hiện hữu được thu gom, xử lý theo đúng hồ sơ môi trường của các khách sạn đã được phê duyệt.

** Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng*

Nước thải xây dựng được thu gom về 02 hố lắng tạm, thể tích $9,0\text{ m}^3/\text{hố}$ ($3,0\text{m} \times 2,0\text{m} \times 1,5\text{m}$) được lót vải địa kỹ thuật (HDPE) ở đáy và thành để chống thấm tại 2 khu vực lán trại trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

3.1.2. Về bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động; phun nước giảm thiểu bụi đất, cát trong quá trình thi công dự án với tần suất phun tưới nước 04 lần/ngày và có thể tăng nếu phát sinh nhiều bụi; bố trí công nhân quét dọn đất, cát vương vãi từ khu vực dự án ra tuyến đường vận chuyển gần dự án với phạm vi 1.500 m về hai phía.

- Các xe vận chuyển vật liệu được che phủ kín bạt; sử dụng rào tôn xung quanh phần diện tích đất thi công xây dựng phân cách với khu vực khách sạn hiện trạng và khu vực xung quanh.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt

Trang bị 02 thùng nhựa composite (dung tích 500 lít/thùng); đặt tại 2 khu vực lán trại công nhân để thu gom CTR phát sinh từ sinh hoạt của công nhân; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý với tần suất 01 ngày/lần.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng

- Khối lượng đất bóc phong hóa, đất thừa từ quá trình đào đắp hố móng được thu gom, vận chuyển, đổ thải tại khu vực giống cây trồng Phường Quảng Thắng, TP. Thanh Hóa với diện tích khoảng 38.000m^2 , dung tích chứa khoảng 114.000m^3 .

- Thảm phủ thực vật và một số chất thải rắn không tái chế được được hợp đồng với đơn vị có chức năng đến vận chuyển và đưa đi xử lý tại theo quy định.

- Chất thải rắn như: đất, đá thải, gạch, ... được tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng tại các dự án khác trong khu vực.

- Chất thải rắn như bìa cactông, các mẫu sắt thừa,... được thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

- Chất thải rắn phát sinh tại khu vực các khách sạn hiện trạng: được thu gom, xử lý và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng hồ sơ môi trường của các khách sạn đã được phê duyệt.

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công: Trang bị 04 thùng chứa (dung tích 500 lit/thùng) để chứa chất thải lỏng và rắn nguy hại riêng biệt, có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định; lưu trữ tạm tại góc trong khu lán trại; định kỳ 01 lần/quá trình thi công, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

- Chất thải nguy hại phát sinh tại khu vực các khách sạn hiện trạng: được thu gom, xử lý và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng hồ sơ môi trường của các khách sạn đã được phê duyệt.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng nhằm đảm bảo an toàn trong thi công và đảm bảo các quy chuẩn về môi trường.

- Hạn chế tối đa các máy móc, phương tiện thi công hoạt động đồng thời.

- Các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công phải đảm bảo độ rung nằm trong giới hạn cho phép QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Chủ đầu tư:

+ Toàn bộ nước mưa được thu gom vào hệ thống cống tròn BTCT có đường kính từ D400mm đến D1000mm và cống hộp (1500x1500) với tổng chiều dài 16.974 m, sau đó thoát ra hệ thống thoát nước mưa dọc đường Hồ Xuân Hương thải ra biển Đông.

+ Toàn bộ nước thải phát sinh từ dự án được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 3.000 m³/ngày đêm đặt tại khu vực khuôn viên cây xanh góc Tây Nam dự án. Sơ đồ công nghệ xử lý như sau:

Nước thải (sau bể tự hoại, nước thải nhà bếp, nước thải tắm, giặt) → hệ thống tách rác → Hồ thu gom → Bể trung gian 1 → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng sơ cấp → Bể trung gian 2 → 03 Modul Bastafat (*công suất 1.000 m³/ngày đêm/modul, mỗi modul gồm 04 ngăn: ngăn lắng điều hòa, kỵ khí, hiếu khí, khử trùng*) → Hệ thống thoát nước thải dọc tuyến đường Hồ Xuân Hương → sông Đơ phía Tây dự án.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước thải ra hệ thống thoát nước thải dọc tuyến đường Hồ Xuân Hương và dẫn ra sông Đơ phía Tây dự án.

- Chủ khách sạn hiện trạng, các hộ dân liền kề, tái định cư:

+ Xây dựng đường ống thoát nước mưa, nước thải riêng biệt; đấu nối với hệ thống thoát nước mưa, nước thải của khu vực.

+ Đối với các hộ dân: Xây dựng bể tự hoại 03 ngăn để thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh.

+ Đầu nối toàn bộ nước thải (sau bể tự hoại của các hộ dân, sau xử lý của các khách sạn hiện trạng) về hệ thống công thoát nước thải chung trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, 3.000 m³/ngày đêm của dự án để tiếp tục xử lý trước khi thải ra sông Đơ phía Tây dự án.

3.2.2. Về bụi, khí thải:

- Chủ đầu tư:

+ Sử dụng quạt hút mùi từ khu vực nhà bếp tại toàn bộ khách sạn mới, qua hệ thống thu gom và lọc khí để xử lý mùi từ nhà bếp trước khi thải ra ống khói đặt trên nóc nhà của các khách sạn nhằm phát tán khí thải trên cao và phân tán trên diện rộng; vệ sinh, dọn dẹp thường xuyên khu vực bếp nấu, khu bàn ăn; sử dụng các nhiên liệu sạch như gas, thiết bị dùng điện,... thay thế cho nhiên liệu hóa thạch,...

+ Thường xuyên nạo vét, khơi thông hệ thống công rãnh thoát nước mưa, nước thải khu vực dự án nhằm giảm thiểu mùi, khí thải phát sinh.

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng thường xuyên quét dọn các tuyến đường trong khu vực dự án nhằm giảm thiểu bụi bay bốc theo bánh xe.

- Các hộ dân: Khuyến cáo dùng quạt hút mùi từ nhà bếp; sử dụng các nhiên liệu sạch như gas, thiết bị dùng điện,... thay thế cho nhiên liệu hóa thạch,...

- Chủ khách sạn hiện trạng: Thực hiện việc thu gom, quản lý và xử lý khí thải theo đúng hồ sơ, thủ tục về môi trường đã được phê duyệt.

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Chủ đầu tư:

+ Cung cấp các văn bản pháp lý liên quan và giới thiệu dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại cho các thành viên trong Khu nhà liền kề, tái định cư.

+ Đối với bùn cặn phát sinh từ các hồ gas, hệ thống thu gom nước mưa, nước thải, chủ đầu tư sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để nạo hút với tần suất 6 tháng/lần.

+ Bố trí 02 khu vực tập kết chất thải rắn tập trung tại phía khu vực Quảng trường biển và khu vực trục cảnh quan (diện tích 180 m²/khu); có rãnh thu gom nước mưa bề mặt dẫn về hệ thống thu gom nước thải chung của dự án. Chất thải rắn được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

- Các hộ dân, chủ khách sạn hiện trạng, nhà hát: thu gom, lưu giữ và tập kết chất thải rắn đúng nơi quy định/đúng theo hồ sơ, thủ tục về môi trường đã được phê duyệt; tuyệt đối không được vứt bừa bãi ra vỉa hè, lòng đường.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Chủ đầu tư bố trí 04 thùng (dung tích 0,5m³/thùng) chứa chất thải lỏng và rắn nguy hại riêng biệt, có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định đặt trong 02 khu tập kết chất thải nguy hại diện tích 80m² bên cạnh khu tập kết CTR thông thường (mỗi khu bố trí 02 thùng); hợp đồng với đơn vị có chức năng, thu gom, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định với tần suất 02 tháng/lần.

- Các hộ dân, khách sạn hiện trạng, nhà hát: Thu gom, thu gom, lưu giữ và tập kết chất thải nguy hại đúng nơi quy định/đúng theo hồ sơ, thủ tục về môi trường đã được phê duyệt; không được để lẫn lộn cùng rác thải sinh hoạt.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

*** Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng**

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

a. Giám sát chất lượng khí thải:

- *Chỉ tiêu giám sát:* vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, NH₃, H₂S.

- *Vị trí giám sát:* 03 vị trí.

+ K1: Khu vực thi công.

+ K2: Khu vực lán trại 1 của công nhân.

+ K3: Khu vực lán trại 2 của công nhân.

- *Quy chuẩn áp dụng:*

+ QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

b. Giám sát chất lượng nước thải:

- *Chỉ tiêu giám sát:* pH, SS, BOD₅, COD, dầu mỡ khoáng, amoni (theo N), Sắt, tổng phốt pho (theo P), tổng Coliform.

- *Vị trí giám sát:* 02 vị trí:

+ NT1: Điểm xả nước thải tại hồ lắng nước thải xây dựng tại khu lán trại 1.

+ NT2: Điểm xả nước thải tại hồ lắng nước thải xây dựng tại khu lán trại 2.

- *Quy chuẩn áp dụng:*

+ QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn Quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp.

*** Giám sát môi trường trong giai đoạn hoạt động**

a. Giám sát chất lượng nước thải:

- *Tần suất giám sát:* 4 lần/năm (tháng 5, 6, 7, 8).

- *Chỉ tiêu giám sát:* pH, TSS, BOD₅, NH₄⁺ (tính theo N), NO₃⁻ (tính theo N), PO₄³⁻ (tính theo P), sunfua (tính theo H₂S), dầu mỡ, tổng các chất hoạt động

bề mặt, Coliform.

- *Vị trí giám sát:*

+ Nước thải đầu vào: 01 vị trí tại hố thu gom nước thải tập trung.

+ Nước thải đầu ra: 03 vị trí tại đầu ra của 03 modul xử lý nước thải tập trung trước khi thải ra hệ thống thoát nước thải dọc đường Hồ Xuân Hương.

- *Quy chuẩn áp dụng:*

+ QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt.

b. Giám sát môi trường không khí

- *Tần suất giám sát:* 4 lần/năm (tháng 5, 6, 7, 8).

- *Chỉ tiêu giám sát:* nhiệt độ, độ ẩm, bụi, tiếng ồn, NO₂, SO₂, NH₃, H₂S.

- *Vị trí giám sát:*

+ Khí thải tại các modul xử lý nước thải tập trung, số lượng mẫu 03 mẫu.

+ 02 mẫu khí thải tại 02 khu vực tập kết rác thải rắn.

- *Quy chuẩn so sánh:*

+ QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

+ QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 06:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh./.